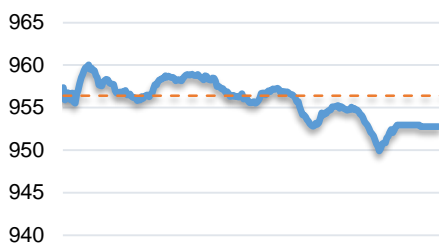


Diễn biến thị trường trong phiên

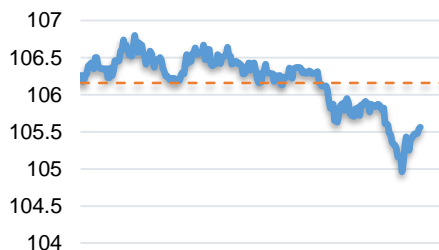
Rating	VNI	HNXI	UPCOM
Điểm	952.8	105.6	50.3
% ngày	-0.38	-0.56	-0.36
% tuần	2.72	1.91	0.74
% tháng	-0.83	-0.57	-3.23
% năm	21.09	4.18	-9.87
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	4,367.02	432.95	208.13
Hôm qua	3,418.95	424.09	203.71
TB 1 tháng	3,072.79	494.13	159.64
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	485.74	36.99	35.09
Bán	723.36	40.25	20.58
Giá trị ròng	(237.62)	(3.26)	14.51
Độ rộng TT			
Mã Tăng	124	58	66
Mã Giảm	159	90	63
Không Đổi	70	236	605
Chỉ số chính			
P/E	17x	10.7x	9.7x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,041	200	821
LS Cổ tức	2.02	2.71	4.10

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sau liên tục 4 phiên tang, thị trường đóng cửa giảm điểm trong phiên giao dịch 01/08/2018, tuy nhiên đà giảm này không mạnh vì có sự nâng đỡ của nhóm ngành dầu khí trong phiên. Chỉ số VN-Index lui về mức 952.77 điểm, giảm 0.38%. HNX-Index có diễn biến tương tự giảm 0.57%, chỉ số đóng cửa mốc 105.56 điểm.

Nhóm dầu khí đã đỡ thị trường trong phiên hôm nay như GAS, PVD, PVS, PVB, PVC... Trong đó, có PVD có mức tăng giá mạnh 6.1% và có lúc tăng trần trong phiên, còn có PVB tăng hơn 5%. Sóng dầu khí có khi nào sẽ quay lại thị trường trong quý 3/2018. Trong phiên chiều thì có những sự rung lắc mạnh tại nhóm ngành ngân hàng, chứng khoán, bất động sản... đã làm đa số các cổ phiếu chịu áp lực bán mạnh vào cuối phiên, tuy nhiên lực mua tang mạnh và đã hỗ trợ các mã quay về mốc tham chiếu hay giảm nhẹ

Bộ đôi HAG, HNG sau chuỗi ngày tăng giá mạnh mẽ đã chịu áp lực bán mạnh và đồng loạt giảm điểm. HAG thậm chí đóng cửa gần về giá sàn. Cổ phiếu FLC cũng có diễn biến tương tự.

Khối ngoại tiếp tục lại có phiên bán ròng với tổng giá trị khoảng 226 tỷ đồng. Hôm nay lượng bán ròng mạnh vẫn tập trung tại cổ phiếu VIC với giá trị bán ròng gần 250 tỷ đồng và nhà đầu tư ngoại đang quay lại mua ròng ở các mã HDB 38 tỷ, HPG 35 tỷ, VCB 33 tỷ, SSI 13 tỷ, GAS 10 tỷ.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ còn xuất hiện nhịp rung lắc hoặc điều chỉnh với vùng hỗ trợ gần nhất 945 điểm của chỉ số VN-Index. Đồng thời, chỉ số VN-Index vẫn đang trong giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực, còn chỉ số HNX-Index tiếp tục bước vào giai đoạn tích lũy. Điểm tích cực chúng tôi nhận thấy là rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức thấp và nhịp điều chỉnh này vẫn chưa ảnh hưởng đáng kể lên xu hướng của thị trường. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu vẫn duy trì ở mức cao cho thấy cơ hội giải ngân vẫn tiếp tục gia tăng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và nâng mức cắt lỗ của hệ thống lên mức 921.61 điểm của chỉ số VN-Index và 100.99 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và mở vị thế mua mới. Chúng tôi vẫn chú ý vào nhóm cổ phiếu Largecaps và Midcaps.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 65% cổ phiếu/35% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

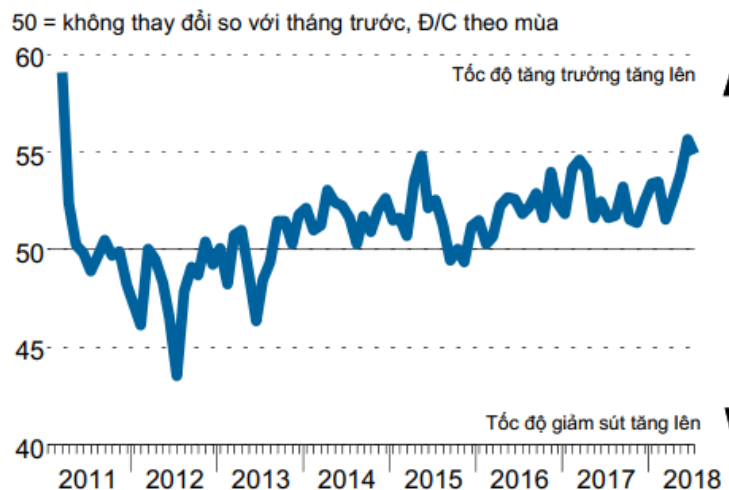


NOTES

CHỈ SỐ PMI THÁNG 07/2018 GIẢM NHẸ SO VỚI THÁNG 6/2018

Chỉ số Nhà quản trị Mua hàng Purchasing Managers' Index (PMI) toàn phần lĩnh vực sản xuất Việt Nam của Nikkei – một chỉ số tổng hợp về kết quả hoạt động của ngành sản xuất – đã giảm nhẹ từ mức 55.7 điểm trong tháng 6/2018 còn 54.9 điểm trong tháng 7/2018, nhưng vẫn là một trong những mức tăng cao nhất kể từ khi cuộc khảo sát bắt đầu vào tháng 3/2011. Việt Nam vẫn đứng đầu bảng xếp hạng PMI ngành sản xuất ASEAN khi tiếp tục có sự cải thiện mạnh mẽ trong lĩnh vực sản xuất hàng hóa trong tháng 7/2018.

PMI Ngành Sản xuất Việt Nam của Nikkei



Nguồn: Nikkei, IHS Markit

Theo đánh giá của Nikkei, các điều kiện kinh doanh của Việt Nam đã cải thiện hơn trong suốt 32 tháng qua trong các chỉ tiêu:

- Số lượng đơn đặt hàng mới ngành sản xuất tiếp tục tăng
- Tốc độ tăng số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới đã nhanh hơn
- Các công ty đã đáp ứng số lượng đơn đặt hàng mới tăng bằng cách tiếp tục tăng sản lượng cho nên nhà sản xuất tăng số lượng nhân viên và hoạt động mua hàng
- Hoạt động mua hàng hóa đầu vào tăng đáng kể làm tăng lượng hàng tồn kho
- Tốc độ tăng chi phí đầu vào vẫn cao vào đầu quý 3 và giá cao là do tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu.
- Tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu đã dẫn đến trì hoãn giao hàng, nhưng tình trạng này lại được giảm nhẹ nhờ việc các nhà cung cấp mong muốn đáp ứng nhu cầu giao hàng nhanh
- Mức độ lạc quan trong kinh doanh đã tăng so với tháng trước



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.30	GIẢM	GIẢM		18.31				21.18		
ACB	35.50	TĂNG	GIẢM	35.60	32.43	-0.28%			41.80		
ACV	87.00	TĂNG	GIẢM	84.50	78.31	2.96%			96.67		
BFC	25.80	TĂNG	GIẢM	27.00	24.61	-4.44%			28.97		
BHN	83.10	GIẢM	GIẢM		91.26				113.09		
BID	26.30	TĂNG	GIẢM	25.80	23.83	1.94%			31.14		
BMP	56.80	TĂNG	GIẢM	57.60	54.27	-1.39%			63.44		
BSR	16.40	TĂNG	GIẢM	15.80	14.34	3.80%			20.28		
BVH	78.00	GIẢM	GIẢM		78.66				92.24		
BWE	17.50	TĂNG	GIẢM	17.70	16.69	-1.13%			19.20		
CEO	12.90	TĂNG	GIẢM	13.40	11.84	-3.73%			15.97		
CHP	23.30	TĂNG	TĂNG	23.50	22.85	-0.85%		23.50	21.45	-0.85%	
CSM	13.60	GIẢM	TĂNG		13.98			14.39	12.77	-5.49%	
CTD	155.50	TĂNG	TĂNG	149.50	142.68	4.01%		161.20	128.22	-3.54%	
CTG	23.20	TĂNG	GIẢM	24.00	22.35	-3.33%			28.07		
CTI	29.60	TĂNG	GIẢM	29.60	28.63	0.00%			33.12		
CVT	25.40	TĂNG	GIẢM	25.85	23.93	-1.74%			29.58		
DGW	23.20	TĂNG	GIẢM	23.90	21.72	-2.93%			26.51		
DHA	27.60	TĂNG	GIẢM	28.00	25.83	-1.43%			28.49		
DHC	39.50	GIẢM	GIẢM		40.57				43.99		
DHG	99.40	GIẢM	TĂNG		103.30			114.49	96.90	-13.18%	
DPG	42.70	TĂNG	GIẢM	40.90	36.46	4.40%			50.13		
DPM	18.20	TĂNG	GIẢM	17.70	17.41	2.82%			18.72		
DPR	38.70	GIẢM	GIẢM		39.34				41.25		
DQC	30.00	GIẢM	GIẢM		32.32				34.98		
DRC	23.90	GIẢM	TĂNG		24.64			24.30	18.94	-1.65%	
DXG	25.80	TĂNG	GIẢM	23.75	23.93	8.63%			29.38		
ELC	9.00	GIẢM	GIẢM		9.59				11.21		
FCN	15.80	GIẢM	TĂNG		16.50			17.70	13.88	-10.73%	
FIT	4.27	GIẢM	GIẢM		4.83				5.21		
FMC	20.90	TĂNG	GIẢM	21.20	19.99	-1.42%			23.95		
FPT	42.00	TĂNG	GIẢM	42.90	40.89	-2.10%			46.52		
GAS	88.70	TĂNG	GIẢM	86.90	80.91	2.07%			103.15		
GIL	43.50	TĂNG	TĂNG	41.65	41.44	4.44%		34.90	40.00	24.64%	
GMD	25.75	TĂNG	GIẢM	25.40	25.09	1.38%			28.65		
GTN	11.15	TĂNG	TĂNG	9.20	10.61	21.20%		11.20	10.50	-0.45%	MUA
HAG	7.10	TĂNG	TĂNG	5.01	6.75	41.72%		6.19	4.82	14.70%	
HAX	16.10	GIẢM	GIẢM		17.74				18.67		



We Create Fortune

HBC	21.20	GIẢM	GIẢM		22.84				27.24	
HDB	35.75	TĂNG	GIẢM	35.75	35.69	0.00%	MUA		42.95	
HNG	17.00	TĂNG	TĂNG	8.36	15.34	103.35%		8.20	11.11	107.32%
HPG	37.60	TĂNG	GIẢM	37.20	34.88	1.08%			42.50	
HSG	11.25	TĂNG	GIẢM	11.55	10.50	-2.60%			13.38	
HT1	11.85	TĂNG	GIẢM	11.75	11.54	0.85%			12.91	
HUT	5.30	TĂNG	GIẢM	5.80	5.21	-8.62%			6.72	
HVN	37.30	TĂNG	GIẢM	33.00	33.39	13.03%			39.08	
ITD	11.15	GIẢM	TĂNG		12.28			12.40	11.14	-10.08%
KBC	11.85	TĂNG	GIẢM	12.10	11.43	-2.07%			13.24	
KDH	30.10	TĂNG	GIẢM	30.90	29.82	-2.59%			33.78	
KSB	33.55	TĂNG	GIẢM	33.55	33.06	0.00%	MUA		37.77	
LCG	9.39	TĂNG	GIẢM	9.46	9.00	-0.74%			10.06	
LDG	13.95	TĂNG	GIẢM	12.05	12.33	15.77%			15.06	
LIX	40.55	GIẢM	GIẢM		42.07				45.17	
LPB	9.70	GIẢM	GIẢM		11.04				13.11	
LSS	6.90	GIẢM	GIẢM		7.36				8.24	
MSN	84.20	TĂNG	GIẢM	79.10	77.56	6.45%			90.22	
MWG	113.60	TĂNG	TĂNG	112.00	108.83	1.43%		121.00	104.78	-6.12%
NKG	14.00	GIẢM	GIẢM		15.33				17.58	
NLG	30.50	TĂNG	GIẢM	29.80	28.62	2.35%			31.83	
NT2	27.00	GIẢM	GIẢM		27.47				28.69	
NTL	9.99	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-3.48%		10.45	8.94	-4.40%
NTP	44.50	GIẢM	GIẢM		45.55				51.18	
PAC	38.90	TĂNG	GIẢM	42.50	38.47	-8.47%			42.18	
PC1	32.00	TĂNG	GIẢM	32.30	30.96	-0.93%			34.50	
PDR	26.10	GIẢM	GIẢM		26.41				29.57	
PGC	14.20	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-1.05%			15.68	
PHR	24.00	TĂNG	TĂNG	21.90	22.56	9.59%			23.77	
PLX	61.30	TĂNG	GIẢM	60.50	55.65	1.32%			67.88	
PNJ	94.00	TĂNG	GIẢM	90.30	88.20	4.10%			103.44	
POW	13.00	TĂNG	GIẢM	13.00	12.13	0.00%			13.91	
PPC	18.70	TĂNG	GIẢM	18.50	17.71	1.08%			19.21	
PTB	59.00	GIẢM	TĂNG		65.21			64.00	51.25	-7.81%
PVD	13.95	TĂNG	GIẢM	13.00	12.37	7.31%			16.34	
PVI	29.90	TĂNG	GIẢM	29.90	28.30	0.00%			33.76	
PVS	17.80	TĂNG	GIẢM	17.00	15.86	4.71%			20.82	
PXS	5.00	TĂNG	GIẢM	5.00	4.61	0.00%			6.11	
RAL	91.00	TĂNG	GIẢM	91.00	90.25	0.00%	MUA		106.46	
REE	34.50	TĂNG	GIẢM	32.80	33.48	5.18%			34.97	
SAB	205.00	GIẢM	GIẢM		216.14				243.10	
SAM	7.00	TĂNG	GIẢM	7.00	6.67	0.00%			7.59	
SBV	27.40	TĂNG	GIẢM	27.00	26.50	1.48%			29.35	



We Create Fortune

SCR	9.15	TĂNG	GIẢM	8.75	8.80	4.57%			10.30		
SHI	6.28	GIẢM	TĂNG	7.00	6.38	-8.86%	BÁN	6.99	5.88	-10.16%	
SJS	20.80	TĂNG	GIẢM	19.70	18.60	5.58%			21.87		
SKG	20.50	TĂNG	GIẢM	20.05	19.44	2.24%			21.27		
SSI	29.00	GIẢM	GIẢM		29.51				34.19		
STB	11.30	TĂNG	GIẢM	11.20	10.75	0.89%			12.71		
SVC	44.90	GIẢM	GIẢM		46.14				49.74		
TCM	19.00	TĂNG	GIẢM	17.80	17.67	6.74%			20.79		
TDH	12.00	GIẢM	GIẢM		12.68				14.21		
TLH	7.59	GIẢM	GIẢM		8.01				8.99		
TMT	5.25	GIẢM	GIẢM		5.35				8.25		
TNG	11.60	TĂNG	GIẢM	10.80	11.09	7.41%			11.90		
TYA	10.10	GIẢM	GIẢM		11.25				12.65		
VCB	58.60	TĂNG	GIẢM	57.50	54.09	1.91%			64.41		
VFG	37.50	GIẢM	TĂNG		40.21			34.39	33.47	9.03%	
VGC	17.70	GIẢM	GIẢM		19.28				22.65		
VHM	108.60	GIẢM	TĂNG		112.34						
VIB	26.80	TĂNG	GIẢM	27.60	25.83	-2.90%			30.67		
VIC	106.50	GIẢM	GIẢM		109.85				109.53		
VIP	7.08	TĂNG	GIẢM	6.95	6.87	1.87%			7.29		
VJC	143.00	TĂNG	GIẢM	144.50	132.86	-1.04%			154.12		
VNM	166.90	GIẢM	GIẢM		173.21				184.77		
VPB	26.80	GIẢM	GIẢM		28.92				33.19		
VRC	20.50	TĂNG	TĂNG	17.75	17.73	15.49%		19.35	19.26	5.94%	MUA
VRE	40.70	TĂNG	GIẢM	43.00	38.75	-5.35%			44.98		
VSC	38.40	TĂNG	TĂNG	35.50	36.01	8.17%		35.30	29.50	8.78%	
VSH	17.60	TĂNG	TĂNG	17.20	16.98	2.33%		17.40	16.36	1.15%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	952.77	(0.38)
VN30	939.31	(0.54)
VN Mid	993.41	(0.45)
VN Small	808.52	(0.19)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	485.74	
Bán	723.36	
GT ròng	(237.62)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PAN	3,700	6.9%
HQC	130	6.8%
VRC	1,300	6.8%
ITA	180	6.7%
PVD	800	6.1%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HAG	(520)	-6.8%
TTF	(180)	-5.7%
SJF	(1,200)	-5.6%
TRA	(3,100)	-4.2%
QCG	(400)	-4.0%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	339,908	
VHM	291,006	
VNM	242,213	
VCB	210,829	
GAS	169,767	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
FLC	22.24	12.34
HAG	12.63	10.52
HQC	10.70	2.28
ASM	7.62	3.27
PVD	6.99	1.01

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	105.56	(0.56)
HN30	189.03	(0.70)
VNX AllSh	1,346.92	(0.55)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	36.99	
Bán	40.25	
GT ròng	(3.26)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DGL	2,200	6.4%
DGC	1,900	5.4%
PVS	600	3.5%
L14	1,000	3.2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HUT	(300)	-5.4%
PGS	(1,400)	-4.2%
VCS	(2,800)	-3.1%
VC3	(400)	-2.1%
TTB	(400)	-1.9%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	38,499	
VCS	13,792	
SHB	9,625	
PVS	7,951	
VGC	7,936	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
PVS	10.63	3.98
SHB	7.53	5.68
KLF	5.95	2.02
ACB	3.37	5.09
HUT	2.93	1.55

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	50.29	(0.36)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	35.09	
Bán	20.58	
GT ròng	14.51	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BSR	700	4.5%
HVN	1,100	3.0%
ACV	2,500	3.0%
SDI	1,400	2.7%
VGTT	200	2.2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MSR	(1,100)	-4.8%
LPB	(200)	-2.0%
VIB	(500)	-1.8%
OIL	(200)	-1.3%
POW	(100)	-0.8%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	189,410	
BSR	50,848	
MCH	49,325	
HVN	46,600	
GVR	32,800	

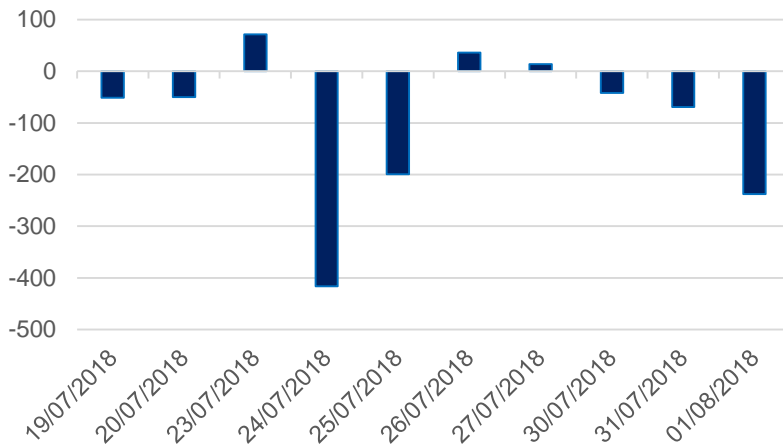
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
LPB	6.37	1.53
NQB	5.16	0.17
BSR	2.61	1.25
HVN	1.25	0.39
ART	0.96	1.80

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

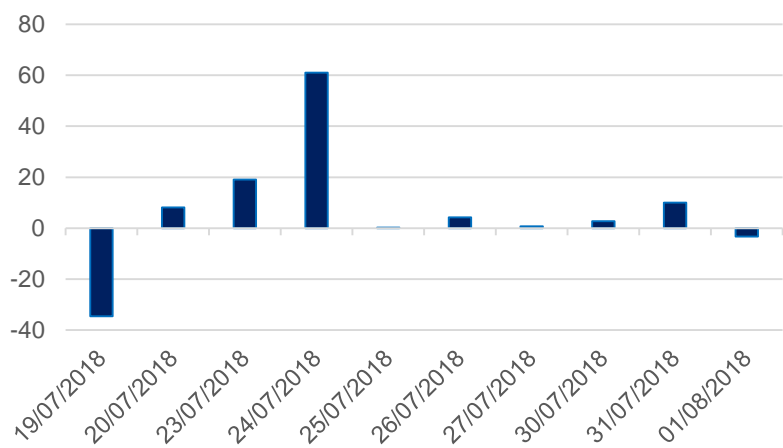
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
HDB	37,749	VIC	(249,705)
HPG	35,032	PVD	(41,384)
VCB	32,602	VHM	(32,599)
SSI	13,372	NVL	(31,586)
GAS	9,742	VJC	(10,035)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

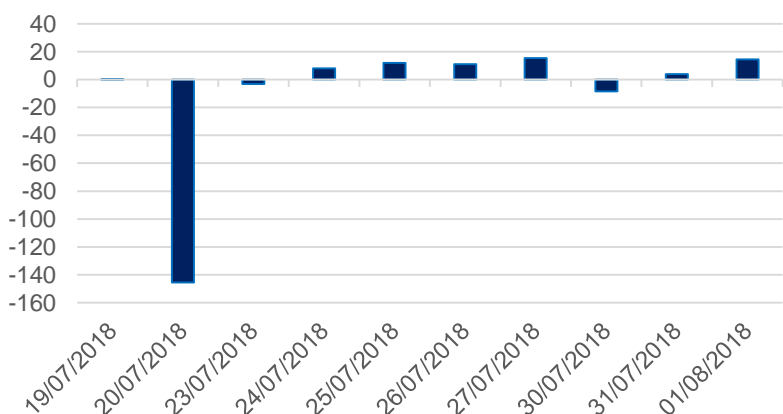
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
DGL	1,906	PVS	(3,869)
TIG	436	CSC	(1,436)
TV2	361	DGC	(1,085)
SHB	229	CEO	(282)
SHS	179	INN	(127)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VEA	16,516	BSR	(13,063)
ACV	6,329	VGT	(1,201)
QNS	4,453	GVR	(416)
POW	1,885	MSR	(197)
CTR	103	IFS	(80)

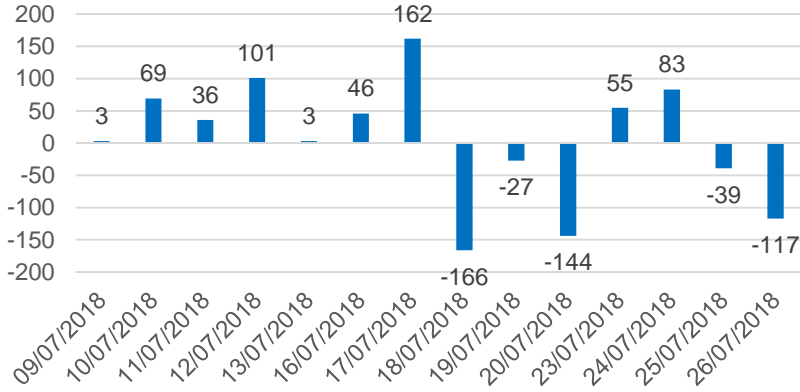
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

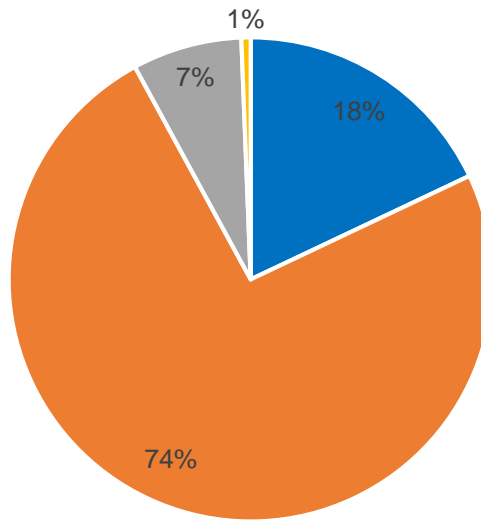


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VND)
VIS	28,500	CAV	84,290
VIC	26,214	HPG	20,174
HPG	20,826	VIC	16,499
CVT	12,580	VNM	14,332
CAV	11,955	E1VFN30	12,199

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



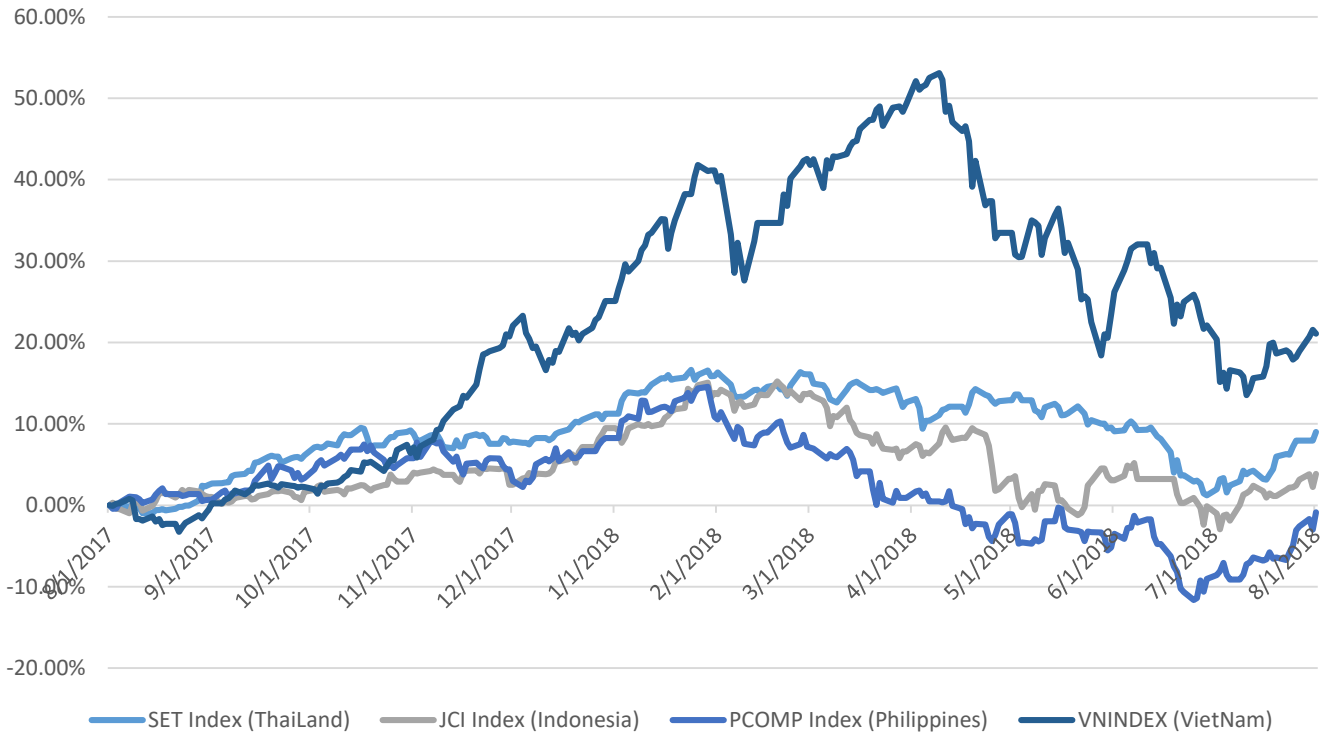
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

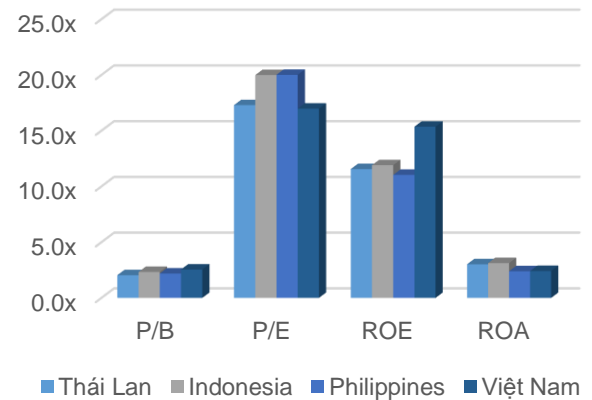
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.3x	2.2x	2.5x
P/E		17.3x	20.0x	20.0x	17.0x
ROE	%	11.56	11.91	11.04	15.36
ROA	%	3.02	3.12	2.39	2.42
Vốn hóa	Tỷ USD	516.94	464.76	180.10	130.58
GTGD	Triệu USD	1.53	0.57	0.10	0.19
LS cổ tức	%	3.02	2.27	1.60	2.02

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written